Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ DÙNG CHO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ, TIẾN SĨ Ở HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Thông báo số 413 /TB-HV ngày 13/02/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị)

I. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Ghi chú: Không chấp nhận Chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition được cấp sau ngày 10/9/2022 (ngày Thông tư 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài có hiệu lực).

II. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH APTIS ESOL INTERNATIONAL CERTIFICATE TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Aptis ESOL
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

III. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH PEARSON ENGLISH INTERNATIONAL CERTIFICATE TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		PEIC
Sơ cấp	Bậc 1	Level A1
	Bậc 2	Level 1
Trung cấp	Bậc 3	Level 2
	Bậc 4	Level 3
Cao cấp	Bậc 5	Level 4
	Bậc 6	Level 5

IV. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH PEARSON TEST OF ENGLISH ACADEMIC TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		PTE Academic
Sơ cấp	Bậc 1	10 - 29
	Bậc 2	30- 42
Trung cấp	Bậc 3	43 - 58
	Bậc 4	59 - 75
Cao cấp	Bậc 5	76- 84
	Bậc 6	85- 90

V. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH VERSANT ENGLISH PLACEMENT TEST (VEPT) TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC BẬC CỦA KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM *(Có giá trị từ ngày 15/01/2026)*

Khung thang điểm VEPT	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
10 - 29	Bậc 1
30 - 42	Bậc 2
43 - 66	Bậc 3

VI. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại npgữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương TP.Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Công nghệ TP.Hồ Chí Minh
29	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
30	Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh
31	Trường Đại học Lạc Hồng
32	Trường Đại học Phenikaa
33	Trường Đại học Duy Tân
34	Trường Đại học Đồng Tháp
35	Trường Đại học Kinh tế Tài chính – Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng